

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/DS-PT

Ngày 16 - 8 - 2022

*V/v tranh chấp về phân chia  
di sản thừa kế là quyền sử  
dụng đất.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc T gồm có:**

*T phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Đức Trường.

*Các T phán:* Bà Phạm Thị Thanh Loan.

Bà Đỗ Thị Kim Quy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Thiều Thị Minh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:**  
Bà Vương Thị Chiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc T công khai vụ án thụ lý số 22/2021/TLDS-PT ngày 07 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp về phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ T số 04/2021/DS-ST ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc T số 01/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Bà Nguyễn Thị L (tên gọi khác: Nguyễn Thị B). Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang.

+ Bà Nguyễn Thị X. Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang.

+ Ông Nguyễn Thái H. Địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Thái H: Bà Nguyễn Thị L. Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Ngô Trung K – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư G, Đoàn Luật sư tỉnh Hà Giang. Địa chỉ: Số

nhà 283, đường Nguyễn Thái H, phường T, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Nguyễn Thanh T). Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang. (Có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan:

+ Bà Nguyễn Thị Y. Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang . Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Nguyễn Thanh T). Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt)

+ Ông Bùi Văn H. Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt)

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện quá trình tố tụng tại Tòa án Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Thái H trình bày:* Bố tôi là Nguyễn Bình Sơn, mẹ tôi là Nguyễn Thị Nhẫn lên xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang mục đích là đi xây dựng vùng kinh tế mới và có khai phá diện tích đất từ năm 1962, tôi không nhớ diện tích cụ thể, bố mẹ tôi sinh sống từ thời gian đó và sinh được bốn người con gồm chị cả là Nguyễn Thị X, anh trai là Nguyễn Thái H, chị gái là Nguyễn Thị Y và tôi là Nguyễn Thị L. Sau đó đến năm 1985 mẹ tôi qua đời và chỉ còn bố tôi và bốn anh chị em sinh sống tại mảnh đất nêu trên. Sau đó chị X và anh H trưởng thành ra ở riêng còn tôi và chị Y ở lại sinh sống cùng bố tôi trên mảnh đất này. Đến năm 1994 bố tôi có gọi anh, chị em chúng tôi và mời cán bộ địa chính đến để đo đạc và chia cho các anh chị em tôi mỗi người một phần riêng; phần còn lại là 360 m<sup>2</sup>, có chiều tám mét đường đi huyện Hoàng Su P là 6 mét có một căn nhà gỗ bố tôi sinh sống ở đó. Đến năm 1995 thì bố tôi qua đời, khi đó nhà mục nát và đất thì bỏ trống, tôi có trồng một số hoa màu trên đó. Trên thực tế thì diện tích này hơn 360 m<sup>2</sup> vì năm 1998 Nhà nước làm thủy lợi, mương máng đi qua đã cắt vào phần đuôi của đất và chúng tôi đã thống nhất là để lại cho anh chị T, Y đào ao và anh chị T, Y không được hưởng thừa kế đất của bố tôi để lại là 360m<sup>2</sup> nữa; tuy nhiên việc anh T chị Y có tiếp tục được hưởng di sản thừa kế do bố mẹ tôi để lại hay không thì do anh chị em chúng tôi họp bàn và quyết định. Do anh T chị Y có đất liền kề nên anh chị em chúng tôi cùng nhau thống nhất là để anh T chị Y đứng tên trên phần đất của bố tôi để lại, sau này nếu bán đi thì anh T chị Y phải có trách nhiệm tách ra và chia đều cho bốn anh chị em trong đó có cả phần của anh T, chị Y. Do bố tôi mất đột ngột nên không để lại di chúc nên bốn anh chị em chúng tôi chỉ thống nhất bằng miệng là chia đều cho mỗi người 1,5 mét dài tám mét đường quốc lộ đi huyện Hoàng Su P chứ không lập thành văn bản hay giấy tờ gì. Vì vậy tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cụ thể: Yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất, đối với diện

tích khoảng 260m<sup>2</sup> đất, tại thửa số 234, tờ bản đồ số 5, diện tích đất tôi và bà X, ông H yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 878865, do UBND huyện B cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T ngày 05/7/1998, trị giá khoảng 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng).

*Bị đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:* Năm 1979 tôi đi bộ đội thuộc sư đoàn 314 đóng quân tại xã Tân Quang, huyện Bắc Quang đến năm 1983 tôi ra quân và ở lại đó xây dựng gia đình với vợ tôi bây giờ là bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1962 trong gia đình bên vợ tôi gồm có: Bố vợ tôi là ông Nguyễn Bình S, mẹ vợ tôi là bà Nguyễn Thị N, ông bà sinh được bốn người con là chị cả bên vợ bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1943, anh trai vợ là ông Nguyễn Thái H, sinh năm 1947, vợ tôi là Nguyễn Thị Y, sinh năm 1962 và em dì bên vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1964. Gia đình bên vợ tôi lên xây dựng vùng kinh tế mới và có khai phá diện tích đất để sinh sống tôi không nhớ diện tích cụ thể và năm khai phá là vào khoảng năm 1962 và sinh sống từ thời gian đó; đến năm 1985 mẹ vợ tôi qua đời và chỉ còn bố vợ tôi và bốn anh chị em bên vợ sinh sống tại mảnh đất nêu trên. Sau đó chị X và anh H trưởng thành ra ở riêng còn vợ chồng tôi và vợ chồng em dì là bà L ở lại sinh sống cùng bố vợ tôi trên mảnh đất này. Đến năm 1994 bố vợ tôi là ông Sơn có gọi tôi và ông anh rể chồng bà X là ông (Phạm Khắc B, đã chết), ông Đào Văn D (chồng bà L bây giờ). Sau đó chia cho ông D, bà L là 6 mét chiều rộng tám đường đi huyện Hoàng Su P, có chiều sâu là 60 mét; bố vợ tôi là ông Sơn là 6 mét chiều rộng tám đường đi huyện Hoàng Su P, có chiều sâu là 60 mét và vợ chồng tôi được chia là 24 mét chiều rộng tám đường đi huyện Hoàng Su P, có chiều sâu là khoảng 60 mét. Phần của ông S bố vợ tôi có diện tích khoảng 360m<sup>2</sup>, trên diện tích đất này có một căn nhà gỗ bố vợ tôi sinh sống ở đó. Khi ông S chia cho chúng tôi thì căn cứ vào diện tích khai phá từ năm 1962 để chia chứ chưa được Nhà nước cấp bất cứ loại giấy tờ gì, tuy nhiên diện tích đất chia cho các con bố mẹ vợ tôi sử dụng ổn định từ năm 1962 và không có tranh chấp với. Vì lý do trên nên UBND xã T mới vào chia tách cho chúng tôi vào năm 1994 và có sơ đồ địa chính lúc bấy giờ. Đến năm 1995 thì bố vợ tôi qua đời, khi đó nhà mục nát và đất thì bỏ trống, đến năm 2015 tôi có hỏi anh em mượn phần đuôi đất của ông để làm lò sấy lá giang sau này đã thanh lý và một cái lán hiện nay đang nuôi gà. Năm 1998, Nhà nước yêu cầu các hộ dân kê khai để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do vợ chồng tôi có đất liền kề nên các anh chị em chúng tôi cùng nhau thống nhất là để vợ chồng tôi đứng tên trên phần đất của bố vợ tôi để lại và lấy sơ đồ, biên bản xã đã đo đạc phân chia làm căn cứ vào năm 1994, sau này nếu anh em thống nhất bán đi thì vợ chồng tôi phải có trách nhiệm tách ra và chia đều cho bốn anh chị em. Do bố vợ tôi mất đột ngột nên không để lại di chúc nên bốn anh chị em chúng tôi chỉ thống nhất bằng miệng chứ không lập thành văn bản hay giấy tờ gì. Kể từ khi được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên tôi vào ngày 05/7/1998 thì tôi cũng đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn C, trú tại khu H, xã Q là 4 mét chiều rộng tám đường đi huyện Hoàng Su P vào năm 2000, bán cho ông Trần Văn T, trú tại khu H, xã Q là 5 mét chiều rộng tám

đường đi huyện Hoàng Su P vào khoảng năm 2001 và cho hai đứa con trai mỗi cháu 4,8 mét chiều rộng bám đường đi huyện Hoàng Su P. Nay bà X, ông H, bà L khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế quan điểm của tôi là đất của ông Sơn mà tôi đứng tên thì tôi vẫn trả lại chứ không có ý định chiếm đoạt để sử dụng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Bùi Văn H trình bày:* Vào khoảng từ năm 2014 đến năm 2015, tôi và vợ tôi là Nguyễn Thị Hồng có cho ông Nguyễn Văn T và vợ là bà Nguyễn Thị Y vay tổng cộng là ba lần vay tiền, với tổng số tiền là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), kể từ khi cho vay tiền đến thời điểm vợ chồng ông T, bà Y phải thanh toán cho vợ chồng tôi, vợ chồng tôi đã đến đòi nợ vợ chồng ông T, bà Y rất nhiều lần nhưng vợ chồng ông T, bà Y cứ khất hết lần này đến lần khác mà không trả nợ cho vợ chồng tôi; do vậy đến ngày 03/10/2017, vợ chồng tôi đã làm đơn khởi kiện vợ chồng ông T, bà Y ra Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang để giải quyết theo quy định của pháp luật. Cùng ngày Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang đã ra Thông báo thụ lý vụ án số 29/2017/TLST-DS để giải quyết vụ án. Tại biên bản H giải ngày 27 tháng 10 năm 2017, giữa tôi và ông T đã thống nhất được phương thức, thời hạn và địa điểm thanh toán toàn bộ số tiền trên, do tôi và ông T đã thống nhất được nên đến ngày 06/11/2017 Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang đã ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 23/2017/QĐST-DS và vụ án đã kết thúc. Khi Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật thì vợ chồng tôi đã làm đơn đề nghị thi hành án gửi đến Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bắc Quang để thi hành. Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bắc Quang đã lập Biên bản xác minh điều kiện thi hành án, theo kết quả xác minh tài sản của người phải thi hành án là ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Y gồm có: Quyền sử dụng 18.178m<sup>2</sup> đất ở, đất lúa, đất vườn rừng, đất trồng cây lâu năm tại khu X H, xã Tân Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã được UBND huyện Bắc Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L878865, ngày 05/7/1998 cho người sử dụng đất là hộ ông Nguyễn Văn T đủ điều kiện để thi hành. Tuy nhiên, đến ngày 01/3/2018 ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Y lập hợp đồng số 621 chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất cho anh Phạm X Mừng, chị La Thị Thu, hợp đồng được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Hà Giang nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền đăng ký chuyển quyền sử dụng. Sau đó theo thông báo số: 768/TB-CCTHADS, ngày 22/8/2018 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bắc Quang thông báo cho những người được thi hành án có quyền khởi kiện tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu và tôi cùng với những người được thi hành án khác đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu. Tại Bản án dân sự số 01/2019/DS-ST, ngày 23/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện B đã tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 621 giữa bên chuyển nhượng là ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Y với bên nhận chuyển nhượng là anh Phạm Xuân M và chị La Thị Thu được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Hà Giang vào ngày 01/3/2018 đối với quyền sử dụng diện tích 18.178m<sup>2</sup> đất ở, đất lúa, đất vườn rừng, đất trồng cây lâu năm tại khu X, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang đã được UBND huyện B cấp Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số L878865, ngày 05/7/1998 là vô hiệu. Sau đó bản án sơ T bị kháng cáo đến cấp phúc T. Tại bản án phúc T số 11/2019/DS-PT, ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang đã bác kháng cáo của những người kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ T. Sau đó đến ngày 07/02/2020, anh Phạm Xuân M và chị La Thị T đã làm đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc T đối với bản án dân sự phúc thẩm số 11/2019/DS-PT, ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang về vụ án: *"Tranh chấp L quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự"*. Tại Thông báo giải quyết đơn đề nghị giám đốc T số 197/TB-TANDCC-DS, ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã trả lời cho anh M và chị T là không có căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc T đối với bản án phúc T nêu trên. Sau khi các cơ quan chuyên môn hoàn thành thủ tục bán đấu giá thì tôi là người trúng đấu giá và cơ quan Chi cục thi hành hành án dân sự huyện Bắc Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 097415, ngày 12/5/2021 mang tên người sử dụng là ông Bùi Văn H, sinh năm 1978, địa chỉ thường trú thôn X, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang (Tôi đã giao nộp bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Tòa án). Nay việc nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, đồng thời là người được bà X, ông H ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L là Luật sư Ngô Trung K; yêu cầu phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất với bị đơn là ông Nguyễn Văn T, đồng thời là người được bà Y ủy quyền; tại thửa đất số 234, tờ bản đồ số 5 với diện tích khoảng 260m<sup>2</sup> thì tôi không nhất trí vì toàn bộ diện tích đất tại thửa số 234, tờ bản đồ số 5 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tôi. Mà nguồn gốc quyền sử dụng đất của tôi là trúng đấu giá hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án số 04/2021/DS-ST ngày 27/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 2, khoản 1 Điều 3, khoản 6 Điều 73 Luật đất đai năm 1993; Điều 97, khoản 5 Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 579 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Thái H về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Văn T.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ T, ngày 08/11/2021 Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án số 04/DS-ST ngày 27/10/2021 của Tòa án nhân

dân huyện Bắc Quang. Lý do kháng cáo, vì Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang không xem xét T định tại chỗ và định giá tài sản để chia thừa kế theo quy định của pháp luật là không đúng thủ tục tố tụng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà và đề nghị Tòa án cấp phúc T hủy toàn bộ bản án sơ T của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang.

Ngày 26/11/2021 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang kháng nghị phúc T bản án số 04/DS-ST ngày 28/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, với nội dung Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang cho rằng diện tích đất của cụ Nguyễn Bình S (đã chết) chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không phải là di sản thừa kế là thiếu căn cứ. Việc xác minh thu thập tài liệu chứng cứ chưa đầy đủ về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất, chưa tiến hành xem xét T định tại chỗ, xác định vị trí, diện tích đất tranh chấp. Như vậy, bản án sơ T có vi phạm nghiêm trọng trong quá trình thu thập chứng cứ, không áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật về xem xét T định tại chỗ khi đương sự gây cản trở, đánh giá chứng cứ thiếu khách quan, không xác minh thu thập đầy đủ chứng cứ để giải quyết vụ án, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự, vi phạm Điều 92, 97 và Điều 101 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án sơ T số 04/2021/DS-ST ngày 27/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ T.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L giữ Nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang: Việc tuân theo pháp luật của T phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về quan điểm giải quyết vụ án, xét thấy việc thu thập chứng cứ và chứng minh chưa được đầy đủ ở cấp sơ T nhưng tại phiên tòa phúc T đã được bổ sung đầy đủ nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang thay đổi nội dung kháng nghị hủy bản án dân sự sơ T sang sửa bản án dân sự sơ T số 04/2021/DS-ST ngày 27/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự sửa Bản án số 04/2021/DS-ST ngày 27/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang theo hướng:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Văn T.

3. Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Y cùng có trách nhiệm trả phần di sản cho các đồng thừa kế bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Thái H, bà Nguyễn Thị L, mỗi người 100.000.000đ.

4. Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Y được sở hữu 42m<sup>2</sup> diện tích đất ao.

5. Về chi phí xem xét T định tại chỗ, định giá tài sản: Ông Nguyễn Văn T phải chịu chi phí xem xét định tại chỗ, định giá tài sản.

6. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 148 Bộ luật TTDS, Điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

- Án phí dân sự có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí có giá ngạch là  $100.000.000đ \times 5\% = 5.000.000đ$  khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 6.000.000đ theo biên lai số BB/2018/0000893 ngày 09/9/2019 của Chi cục THADS huyện Bắc Quang, trả lại bà L số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 1.000.000đ.

Bà Nguyễn Thị Y phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là  $100.000.000đ + 8.000.000đ = 108.000.000đ \times 5\% = 5.400.000đ$ .

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn T đề nghị miễn án phí; bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Thái Hoà vắng mặt tại phiên tòa nhưng không có đơn đề nghị miễn án phí, xét thấy bà X, ông Hoà là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí, đề nghị HĐXX xem xét miễn án phí cho bà X, ông Hoà, ông T theo quy định tại khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Bà L không phải chịu án phí dân sự phúc T. Trả lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc T theo biên lai số 51BB-21P 0003064 ngày 09/11/2021 của Chi cục THADS huyện Bắc Quang.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị X; ông Nguyễn Thái H và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang trong hạn luật định quy định tại Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được HĐXX chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc T.

[2] Tại phiên tòa, người kháng cáo là bà Nguyễn Thị L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử theo thủ tục chung:

[3] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, HĐXX xét thấy:

[3.1] Theo nội dung vụ án, cụ Nguyễn Bình S và cụ Nguyễn Thị N là vợ chồng trong quá trình chung sống sinh được 04 người con gồm: bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Thái H, bà Nguyễn Thị Y và bà Nguyễn Thị L.

[3.2] Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất: Nguồn gốc do cụ S, cụ N khai phá, sử dụng ổn định từ năm 1962 nhưng không làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1985 vợ cụ S ( tức bà Nguyễn Thị N chết), năm 1994 cụ S chia cho các con mỗi người một phần diện tích đất để sử dụng và được cơ quan có T quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần diện

tích đất còn lại của cụ S khoảng 360m<sup>2</sup> chưa chia và giao cho ai quản lý. Năm 1995, cụ S chết không để lại di chúc, do diện tích đất này nằm liền kề với diện tích đất của ông Nguyễn Văn T, vợ là Nguyễn Thị Y (là con gái thứ ba của cụ Sơn, cụ Nhân), nên vợ chồng ông T, bà Y đăng ký kê khai đến tháng 7/1998 được UBND huyện Bắc Quang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất là ông T, bà Y số diện tích đất này.

[3.3] Kháng cáo của bà Nguyễn Thị L cho rằng Tòa án cấp sơ T không tiến hành xem xét T định tại chỗ và định giá tài sản, đề nghị cấp phúc T hủy bản án sơ T của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, HĐXX xét thấy: Hồ sơ vụ án thể hiện, ngày 06/9/2021, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang ban hành quyết định xem xét T định tại chỗ số 01/2021/QĐ-XXTĐTC và tiến hành xem xét T định tại chỗ ngày 10/9/2021. Quá trình xem xét T định do người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan ông Bùi Văn H không nhất trí việc xem xét T định và đo đạc diện tích đất tranh chấp với lý do là toàn bộ diện tích đất khoảng 260m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 234, tờ bản đồ số 5 là diện tích đất mà bà L, bà X, ông H yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế hiện trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông đã được UBND huyện Bắc Quang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 097415 ngày 12/5/2021 mang tên người sử dụng đất là ông Bùi Văn H. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang lập biên bản không tiến hành được việc xem xét, T định tại chỗ. Việc Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang không tiến hành xem xét T định tại chỗ và định giá tài sản là thiếu sót nhưng đã được khắc phục tại cấp phúc T. Xét thấy, kháng cáo của bà L cho rằng Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang không tiến hành xem xét T định tại chỗ là không đúng và đề nghị hủy bản án sơ T là không còn căn cứ.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang, HĐXX xét thấy:

[4.1] Kháng nghị cho rằng, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang xác định diện tích đất của cụ Sơn để lại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi chết không để lại di chúc nên không có quyền để thừa kế quyền sử dụng đất của mình theo di chúc hoặc theo pháp luật quy định tại khoản 5 Điều 113 của Luật Đất đai năm 2003 và cho rằng diện tích đất bà L yêu cầu phân chia không phải là di sản thừa kế của cụ Sơn để lại là thiếu căn cứ và không đúng với quy định theo hướng dẫn tại mục 1.3 phần II của Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng T phán Tòa án nhân dân tối cao.

[4.2] HĐXX xét thấy: Diện tích đất của cụ S để lại mặc dù chưa được cơ quan có T quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng có quá trình sử dụng ổn định L tục, không có tranh chấp phù hợp với quy định của Luật Đất đai năm 1987 và Luật đất đai năm 1993. Năm 1995, cụ Sơn chết không để lại di chúc nhưng các con của cụ S thuộc hàng thừa kế thứ nhất có quyền thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ S để lại, cấp sơ T nhận định cụ S để lại là quyền sử dụng đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, từ đó xác định diện tích đất mà bà L yêu cầu chia không phải là di sản thừa kế của cụ Sơn để lại



là không đúng và xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn đơn là không có căn cứ.

[4.3] Về nội dung xem xét T định tại chỗ: kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang cho rằng cấp sơ T không áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật trong trường hợp đương sự gây khó khăn, cản trở việc xem xét T định tại chỗ, HĐXX xét thấy:

[4.4] Tại giai đoạn phúc T Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang xem xét T định tại chỗ và định giá tài sản theo quy định tại Điều 101 và Điều 104 của Bộ luật tố tụng dân sự. Kết quả xem xét T định tại chỗ theo biên bản lập ngày 21/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang xác định: Diện tích đất tranh chấp có tổng diện tích là 253m<sup>2</sup>. Trong đó đất thổ cư là 110m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 143m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 234, tờ bản đồ số 05 (bản đồ giải thửa xã Tân Quang) đã được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L878865 ngày 05/7/1998 đứng tên người sử dụng đất là hộ ông Nguyễn Văn T (tên gọi khác là Nguyễn Thanh T) nay đã được đăng ký biến động sang tên ông Bùi Văn H. Kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá xác định: Diện tích đất tranh chấp cần định giá là 253m<sup>2</sup> (trong đó đất thổ cư là 110m<sup>2</sup>; đất trồng cây lâu năm là 143m<sup>2</sup>). Căn cứ giá trị quyền sử dụng đất tại Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 01 thì giá trị đất tranh chấp được xác định là  $580.000.000đ \times 55\% = 319.000.000đ \times 1,3$  (hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022) = 414.700.000đ (Bốn trăm mười bốn triệu bảy trăm nghìn đồng).

[4.5] Tại phiên tòa phúc T do phát sinh tình tiết mới đối với thửa đất số 234, tờ bản đồ số 5 mà ông T sử dụng một phần đất để làm ao nên Tòa án cấp phúc thẩm tạm ngừng phiên tòa và ủy thác cho Tòa án cấp sơ thẩm bổ sung tài liệu chứng cứ.

[4.6] Ngày 19/7/2022 Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang tiến hành xem xét T định tại chỗ đã xác định một phần diện tích đất thuộc thửa 234, tờ bản đồ số 5 được ông T lấy làm ao diện tích 42m<sup>2</sup> (đất ao). Theo kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá thì số diện tích đất trên có giá trị là  $31.000đ/m^2 \times 42m^2 = 1.302.000đ$ .

[4.7] Xét thấy việc thu thập chứng cứ và chứng minh chưa được thực hiện đầy đủ ở cấp sơ thẩm nhưng tại giai đoạn phúc thẩm đã được bổ sung đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về di sản thừa kế: Di sản của cụ S để lại là diện tích đất 253m<sup>2</sup> (gồm 110m<sup>2</sup> đất thổ cư; 143m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm và 42m<sup>2</sup> đất ao) thuộc một phần thửa đất số 234, tờ bản đồ số 5 do UBND huyện Bắc Quang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T ngày 05/7/1998 nay đã được đăng ký biến động sang tên ông Bùi Văn H (là người mua trúng đấu giá tài sản) có tổng trị giá là 416.002.000đ (Bốn trăm mười sáu triệu đồng) làm tròn số là 416.000.000đ (Bốn trăm mười sáu triệu đồng). Do di sản của cụ S để lại không còn vì đã được đăng ký biến động sang tên người khác nên không thể phân chia di sản bằng

hiện vật được mà chỉ chia theo giá trị kết quả định giá tài sản là phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo quyền, lợi ích chính đáng của các đương sự.

[6] Theo quy định tại khoản 2 Điều 133 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu nhưng tài sản đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, sau đó được chuyển giao bằng một giao dịch dân sự khác cho người thứ ba ngay tình và người này căn cứ vào việc đăng ký đó mà xác lập, thực hiện giao dịch thì giao dịch đó không bị vô hiệu.*

*Trường hợp tài sản phải đăng ký mà chưa được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì giao dịch dân sự với người thứ ba bị vô hiệu, trừ trường hợp người thứ ba ngay tình nhận được tài sản này thông qua bán đấu giá tại tổ chức có thẩm quyền hoặc giao dịch với người mà theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là chủ sở hữu tài sản nhưng sau đó chủ thể này không phải là chủ sở hữu tài sản do bản án, quyết định bị hủy, sửa.”*

Khoản 3 Điều 133 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Chủ sở hữu không có quyền đòi lại tài sản từ người thứ ba ngay tình, nếu giao dịch dân sự với người này không bị vô hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều này nhưng có quyền khởi kiện, yêu cầu chủ thể có lỗi dẫn đến việc giao dịch được xác lập với người thứ ba phải hoàn trả những chi phí hợp lý và bồi thường thiệt hại.”*

[7] Xét thấy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn H là người mua trúng tài sản thông qua việc đấu giá là hợp pháp. Việc ông Nguyễn Văn T cho rằng tài sản của cụ S để lại cơ quan thi hành án dân sự huyện Bắc Quang cưỡng chế, đấu giá để bán trái pháp luật nên ông không nhất trí việc phân chia di sản do cụ S để lại.

[8] Tại khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Những người thừa kế có quyền yêu cầu phân chia di sản bằng hiện vật; nếu không thể chia đều bằng hiện vật thì những người thừa kế có thể thỏa thuận về việc định giá hiện vật và thỏa thuận về người nhận hiện vật; nếu không thỏa thuận được thì hiện vật được bán để chia”.*

[9] Về người thừa kế theo pháp luật, tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: Điểm a khoản 1 quy định : *“Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết”* ; Khoản 2 Điều 651 quy định : *“Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau.”*

[10] Vợ chồng cụ S, bà N được 04 người con gồm: bà Nguyễn Thị X; ông Nguyễn Thái H; bà Nguyễn Thị Y và bà Nguyễn Thị L đều thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Vì vậy, những người thừa kế cùng hàng thừa kế được hưởng phần di sản bằng nhau. Như vậy, phần di sản thừa kế được chia đều cho 04 người con gồm bà L, bà X, ông H, bà Y.

[11] Về trông coi di sản: Xét thấy ông T, bà Y là người trông coi di sản di sản nên cũng được chia một phần di sản.

[12] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy cần chia đều giá trị di sản cho 04 người con gồm bà L; bà X; bà H; bà Y mỗi người được chia là 100.000.000đ. Ông T, bà Y là người trực tiếp trông coi di sản nên được chia với số tiền 16.000.000đ.

[13] Xét thấy phần di sản của cụ S để lại đã bị kê biên bán đấu giá để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của người phải thi hành án là ông Nguyễn Văn T, vợ là Nguyễn Thị Y trong vụ án khác nên cần xử buộc ông T, bà Y chịu trách nhiệm L đới trả tiền cho bà L, bà X, ông H mỗi người là 100.000.000đ là đúng quy định của pháp luật.

[14] Đối với diện tích đất 42m<sup>2</sup> theo biên bản xem xét T định tại chỗ ngày 19/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang xác định là một phần của thửa số 234, tờ bản đồ số 5 được tách ra khi xây dựng nương năm 2000 vị trí phía Đông giáp đất bà L dài 6m; phía Tây giáp hành lang nương dài 6m; phía Nam giáp đất bà L dài 7m; phía Bắc giáp đất ông Tùng dài 7m đã được UBND huyện Bắc Quang cấp cho hộ ông T không L quan đến diện tích đất đã cấp cho ông Bùi Văn H nên giao cho ông T, vợ là bà Y quản lý, sử dụng. Ông T, bà Y có trách nhiệm đến cơ quan chuyên môn làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích này.

[15] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ T. Bà L không phải chịu án phí dân sự sơ T.

[16] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bà L nộp chi phí xem xét T định tại chỗ với số tiền là 2.100.000đ (*Hai triệu một trăm nghìn đồng*), số tiền này đã chi hết. Do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên ông T phải chịu chi phí xem xét T định để trả lại cho bà Nguyễn Thị L.

[17] Về án phí dân sự phúc T và án phí dân sự giá ngạch: Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc T được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí giá ngạch tương ứng với giá trị tài sản được chia theo quy định của pháp luật được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí của bà L đã nộp là 6.000.000đ, số tiền còn thừa là 1.000.000đ trả lại cho bà L. Miễn án phí dân sự sơ T có giá ngạch cho bà X, ông H, bà Y (người cao tuổi).

[18] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tại phiên tòa phúc T phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 147; Điều 148; Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 133; Điều 610; Điều 618; Điều 651; Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 23; Điều 26; Điều 27; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L. Sửa toàn bộ

bản án dân sự sơ T số 04/2021/DS-ST ngày 27/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Thái H về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Văn T.

2. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Nguyễn Thanh T) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Y L đối trả cho bà Nguyễn Thị L; bà Nguyễn Thị X; ông Nguyễn Thái H mỗi người là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*)

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

3. Giao diện tích đất là 42m<sup>2</sup> cho ông Nguyễn Văn T (tên gọi khác Nguyễn Thanh T) và vợ là bà Nguyễn Thị Y quản lý, sử dụng.

*Vị trí tứ cận giáp ranh như sau: Phía Tây giáp phần đất của bà Nguyễn Thị L dài 6,0m; Phía Tây giáp hành lang nương dài 60; Phía Nam giáp đất bà Nguyễn Thị L dài 7m; Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Thanh Tùng dài 7m (có sơ đồ kèm theo).*

4. Về án phí dân sự sơ T: Ông Nguyễn Văn T được miễn án phí dân sự sơ T. Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ T.

5. Về án phí dân sự phúc T: bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc T. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0003064 ngày 09/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang.

6. Về án phí giá ngạch: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) tiền án phí giá ngạch được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*) theo biên lai thu số 0000893 ngày 09/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, hoàn lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền còn thừa là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) . Bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Thái H, bà Nguyễn Thị Y được miễn án phí giá ngạch.

7. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu 2.100.000đ (*Hai triệu một trăm nghìn đồng*) tiền chi phí xem xét T định tại chỗ để trả lại cho bà Nguyễn Thị L.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc T có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuY án./.

***Nơi nhận:***

- TAND huyện B;
- VKSND tỉnh B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự; Luật sư;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC T  
T PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Hoàng Đức Trường**

